

Số: 295/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 16 tháng 9 năm 2013

CÔNG VĂN BẢN

Số 295 ngày 16/09/2013

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch, đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 157/TTg-CN ngày 04 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép đầu tư xây dựng Dự án Nhà ở Cán bộ, Giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 4805/VPCP-KNTC ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Văn phòng Chính Phủ về việc xử lý sau thanh tra dự án đầu tư khu nhà ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao đất cho Công đoàn Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh tên chủ đầu tư dự án tại Quyết định giao đất số

3452/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao đất cho Công đoàn Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thuận giao đất cho Công ty cổ phần địa ốc 9 tại phường Phú Hữu, Quận 9 để thực hiện dự án tái định cư phục vụ dự án Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 9 đến năm 2020, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Văn bản số 2093/UB-DA ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại Quận 9;

Căn cứ Văn bản số 437/UBND-PCNC ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xử lý sau thanh tra dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản số 483/UBND-PCNC ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện kết luận thanh tra số 2284-TTCTP-KL ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 286/UBND-PCNC ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xử lý sau thanh tra dự án Khu nhà ở tại Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản số 3820/UBND-PCNC ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xử lý sau thanh tra tại dự án đầu tư Khu nhà ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ văn bản số 5052/UBND-PCNC ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự án đầu tư Khu nhà ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9;

Căn cứ văn bản số 1903/UBND-PCNC ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xử lý vướng mắc tại dự án đầu tư Khu nhà ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9;

Căn cứ văn bản số 3754/QHKT-QH ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc thỏa thuận sơ bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9;

Căn cứ văn bản số 2972/QHKT-ĐB2 ngày 24 tháng 9 năm 2004 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc thỏa thuận sơ bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9;

Căn cứ Quyết định số 460B/QĐ-ĐHQG-QLDA245 ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 - Quy mô 80,526ha;

Căn cứ văn bản số 319/GT-CTN ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Sở Giao thông công chính (nay là Sở Giao thông vận tải) về việc có ý kiến về vấn đề san lấp rạch trong khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia tại phường Phú Hữu, Quận 9:

Căn cứ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở chung cư tái định cư phục vụ dự án Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 phê duyệt tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2009:

Căn cứ văn bản số 3801/SQHKT-QHKV2 ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về ý kiến thống nhất về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 dự án khu nhà ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9:

Căn cứ văn bản số 07/2012/QLDA-245 ngày 04 tháng 3 năm 2012 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 về việc báo cáo tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư (kèm theo Biên bản cuộc họp lấy ý kiến cộng đồng dân cư ngày 16 tháng 02 năm 2012 và Công văn số 72/UBND ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Quận 9):

Căn cứ Biên bản ký ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ môi trường Sài Gòn (Công ty EDICO) về việc thống nhất ranh dự án thành phần 15 ha do Công ty EDICO thực hiện trong Khu nhà ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9:

Căn cứ Biên bản họp hội đồng ngày 03 tháng 5 năm 2012 của Hội đồng thẩm định:

Xét đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 do Công ty TNHH Một thành viên Không Gian Xanh lập và được Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trình phê duyệt tại Tờ trình số 1324/ĐHQG ngày 06 tháng 8 năm 2013:

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 9 tại Tờ trình số 1654/TTr-QLĐT ngày 09 tháng 9 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu và lý do lập quy hoạch:

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Làm cơ sở để chủ đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định.

2. Vị trí, quy mô và ranh giới khu vực lập quy hoạch:

- Vị trí khu vực lập quy hoạch chi tiết xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH đo đạc Kiến Thiết lập theo hợp đồng số 140GD/2001 ĐĐĐC-KT ngày 13 tháng 11 năm 2002 và được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt số 2038/GĐ-TNMT ngày 07 tháng 9 năm 2005.

- Quy mô khu vực lập quy hoạch chi tiết: 805.260 m².
- Hiện trạng ranh giới khu vực lập quy hoạch chi tiết:
 - + Phía Đông: giáp đường Gò Cát và đường 882.
 - Phía Tây: giáp rạch và quỹ đất dọc đường Vành đai 2.
 - + Phía Nam: giáp sông Bà Cua.
 - + Phía Bắc: giáp đất trống.

3. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội toàn khu vực quy hoạch:

3.1. Dự báo quy mô dân số khu vực quy hoạch: 15.664 người.

3.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

Stt	Loại đất	Theo đồ án đề xuất	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	750.445,0	93,18
1	Đất nhóm nhà ở chung cư	73.016,6	9,07
2	Đất nhóm nhà ở chung cư tái định cư phục vụ dự án Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	24.823,5	3,08
3	Đất ở nhà liên kế có sân vườn	26.089,4	3,24
4	Đất ở nhà song lập, đơn lập	276.400,2	34,32
5	Đất các công trình dịch vụ đô thị	68.384,0	8,49
	- Trường mầm non (02 cơ sở)	11.680,0	1,45
	- Trường tiểu học	16.270,0	2,02
	- Trường trung học cơ sở	14.343,0	1,78
	- Đất thương mại dịch vụ	15.308,0	1,90
	- Đất y tế	8.138,0	1,01
	- Đất trung tâm hành chính	2.645,0	0,33
6	Đất công viên cây xanh	115.403,3	14,33
	- Đất công viên cây xanh nhóm nhà ở	20.102,5	2,50
	- Đất công viên cây xanh ngoài nhóm nhà ở kết hợp thể dục thể thao (bao gồm cả diện tích mặt nước là 18.142 m ² trong các khu đất công viên cây xanh)	63.788,8	7,92
	- Đất cây xanh ven sông, rạch	31.512,0	3,91
7	Đất giao thông đơn vị ở	166.328,0	20,66
B	Đất ngoài đơn vị ở	54.815,0	6,81
1	Đất giao thông ngoài đơn vị ở	37.441,2	4,65
2	Đất cây xanh cách ly tuyến điện	12.100,5	1,50
3	Đất cây xanh hành lang bảo vệ tuyến cống thoát nước	5.273,3	0,65
	Tổng cộng	805.260,0	100,00

3. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và khu vực quy hoạch:

Stt	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Theo đồ án đề xuất	
A	Các chỉ tiêu về sử dụng đất			
1	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	51,41	
	- Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở	m ² /người	47,91	
	- Chỉ tiêu sử dụng đất ngoài đơn vị ở	m ² /người	3,50	
2	Chỉ tiêu sử dụng đất công trình dịch vụ đô thị	m ² /người	4,37	
	- Đất giáo dục	m ² /người	2,70	
	- Đất y tế	m ² /người	0,52	
	- Các công trình dịch vụ đô thị khác	m ² /người	1,15	
3	Chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh toàn khu (không bao gồm cây xanh cách ly)	m ² /người	5,35	
	- Chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh nhóm nhà ở (không bao gồm cây xanh nội bộ nhóm nhà ở chung cư)	m ² /người	1,28	
	- Chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh ngoài nhóm nhà ở	m ² /người	4,07	
4	Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông đơn vị ở	m ² /người	10,62	
B	Các chỉ tiêu về sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng toàn khu	%	29,93	
	Hệ số sử dụng đất toàn khu	lần	1,24	
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	12
		Tối thiểu	tầng	01

4. Hạng mục các công trình nhà ở, hạ tầng xã hội trong khu vực quy hoạch:

4.1. Nhà ở chung cư tái định cư:

- Chức năng: nhà ở tái định cư phục vụ dự án Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy mô: gồm 02 khu nhà ở chung cư bố trí tại hai lô đất có ký hiệu CC1 và CC2.

- Tổng diện tích 02 lô đất: 24.823,5m².

- Tổng quy mô dân số : 3.960 người.

- Các chỉ tiêu về sử dụng đất quy hoạch đô thị căn cứ theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở chung cư tái định cư phục vụ dự án Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9.

4.2. Nhà ở chung cư:

- Chức năng: bao gồm căn hộ ở kết hợp chức năng dịch vụ công cộng bố trí tại khối đế công trình.

- Quy mô: gồm 04 khu nhà ở chung cư bố trí tại 04 lô đất có ký hiệu CC3, CC4, CC5 và CC6.

- Tổng quy mô dân số : 6.908 người.

- Các chỉ tiêu về sử dụng đất quy hoạch đô thị của các khu nhà ở chung cư:

a) Khu nhà ở chung cư CC3:

- + Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu CC3.
- + Diện tích lô đất: 17.905,0m².
- + Quy mô dân số: 1.632 người.
- + Chỉ tiêu sử dụng đất: 11,0 m²/người (trong đó chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh phải đạt tối thiểu 1 m²/người).
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- + Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 20%.
- + Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,5 lần.
- + Tầng cao xây dựng: 08 và 09 tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03: 2012/BXD).
- Khoảng cách giữa các công trình chung cư phải phù hợp theo QCVN 01: 2008/BXD.
- + Chỉ giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.

b) Khu nhà ở chung cư CC4:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu CC4.
- + Diện tích lô đất: 14.998,0m².
- + Quy mô dân số: 1.344 người.
- Chỉ tiêu sử dụng đất: 11,2 m²/người (trong đó chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh phải đạt tối thiểu 1 m²/người).
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- + Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 20%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,5 lần.
- + Tầng cao xây dựng: 7 tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03: 2012/BXD).
- Khoảng cách giữa các công trình chung cư phải phù hợp theo QCVN 01: 2008/BXD.
- + Chỉ giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.

c) Khu nhà ở chung cư CC5:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu CC5.
- + Diện tích lô đất: 22.151,0m².
- + Quy mô dân số: 2.160 người.
- + Chỉ tiêu sử dụng đất: 10,3 m²/người (trong đó chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh phải đạt tối thiểu 1 m²/người).
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- + Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 20%.
- + Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,5 lần.
- + Tầng cao xây dựng: 10 tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03: 2012/BXD).
- + Khoảng cách giữa các công trình chung cư phải phù hợp theo QCVN 01: 2008/BXD.
- Chỉ giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.

+ Khoảng lùi xây dựng đối với các ranh đất còn lại: tối thiểu 6m.

d) Khu nhà ở chung cư CC6:

- + Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu CC6, thuộc dự án thành phần 15 ha.
- + Diện tích lô đất: 17.962,6m².
- + Quy mô dân số: 1.680 người.
- + Chỉ tiêu sử dụng đất: 10,7 m²/người (trong đó chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh phải đạt tối thiểu 1 m²/người).
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- + Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 20%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,5 lần.
- + Tầng cao xây dựng: 10 tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03: 2012 BXD).
- Khoảng cách giữa các công trình chung cư phải phù hợp theo QCVN 01: 2008 BXD.
- Chỉ giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.
- + Khoảng lùi xây dựng đối với các ranh đất còn lại: tối thiểu 6m.

4.3. Nhà ở liên kế có sân vườn, nhà song lập và đơn lập:

- Vị trí: bố trí tại 52 ô phố, trong đó có 11 ô phố thuộc dự án thành phần 15 ha.
- Tổng diện tích đất ở: 302.489,6 m², bao gồm:
 - Đất ở nhà liên kế có sân vườn: 26.089,4 m².
 - Đất ở nhà song lập: 162.714,0 m².
 - Đất ở nhà đơn lập: 113.686,2 m².
- Tổng số nhà: 1.199 căn, bao gồm:
 - + Nhà liên kế có sân vườn: 158 căn.
 - Nhà song lập: 720 căn.
 - + Nhà đơn lập: 321 căn
- Quy mô số dân: 4.796 người.
- Chỉ giới, khoảng lùi xây dựng áp dụng chung cho 52 ô phố:
 - Đối với đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 3m
 - Đối với ranh đất giáp sân sau nhà: tối thiểu 2m.
 - + Đối với các ranh đất còn lại: tối thiểu 2m.
- Các chỉ tiêu về sử dụng đất quy hoạch đô thị của 07 ô phố xây dựng nhà liên kế có sân vườn:

Stt	Ô phố	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích các lô đất xây dựng nhà ở (m ² /lô)		Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Chiều cao xây dựng (m)
				Nhỏ nhất	Lớn nhất			
1	1A	10	2.041,0	176,5	372,5	80	04	15,5
2	1C	14	2.306,9	147,5	203,3	80	04	15,5
3	1F		4.127,0	135,6	242,4	80	04	15,5

4	1R	29	4.460,0	147,6	218,5	80	04	15,5
5	1U	24	4.210,7	142,5	245,0	80	04	15,5
6	1V	28	4.990,6	144,0	250,9	80	04	15,5
7	2B (thuộc dự án thành phần 15 ha)	28	3.953,2	129,5	211,8	80	04	15,5
	Cộng	158	26.089,4					

- Các chỉ tiêu về sử dụng đất quy hoạch đô thị của 26 ô phố xây dựng nhà song lập:

Stt	Ô phố	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích các lô đất xây dựng nhà ở (m ² /lô)		Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Chiều cao xây dựng (m)
				Nhỏ nhất	Lớn nhất			
1	1B	17	4.251,6	219,6	273,5	60	03	15
2	1E	16	3.058,0	189,0	197,5	60	03	15
3	1G	26	5.200,0	189,0	231,0	60	03	15
4	1H	26	5.450,0	198,0	251,0	60	03	15
5	1I	44	8.560,0	189,0	224,0	60	03	15
6	1J	44	8.560,0	189,0	224,0	60	03	15
7	1K	44	8.560,0	189,0	224,0	60	03	15
8	1L	44	8.970,0	198,0	245,5	60	03	15
9	1M	40	7.720,0	189,0	213,0	60	03	15
10	1N	40	7.720,0	189,0	213,0	60	03	15
11	1O	40	7.720,0	189,0	213,0	60	03	15
12	1P	40	8.090,0	198,0	233,5	60	03	15
13	1T	30	6.286,0	198,0	257,5	60	03	15
14	2D (thuộc dự án thành phần 15 ha)	16	4.861,6	289,8	313,6	60	03	15
15	2Đ (thuộc dự án thành phần 15 ha)	16	4.767,2	290,0	301,8	60	03	15
16	2E (thuộc dự án thành phần 15 ha)	22	5.841,6	240,0	394,6	60	03	15
17	2F (thuộc dự án thành phần 15 ha)	20	6.072,0	216,0	447,0	60	03	15
18	2G (thuộc dự án thành phần 15 ha)	17	4.262,0	242,0	287,5	60	03	15
19	2H	20	4.262,0	198,0	251,5	60	03	15
20	2K (thuộc dự án thành phần 15 ha)	23	5.001,4	198,0	327,3	60	03	15
21	2I (thuộc dự án thành phần 15 ha)	18	5.233,0	240,0	497,5	60	03	15
22	2J (thuộc dự án thành phần 15 ha)	25	7.153,5	240,0	607,0	60	03	15

23	2P	26	6.150,2	223,8	240,0	60	03	15
24	2Q	23	6.525,9	221,0	443,4	60	03	15
25	2L	23	6.682,0	286,0	317,5	60	03	15
26	2Z	20	5.756,0	240,0	462,0	60	03	15
Cộng		720	162.714,0					

lập: - Các chỉ tiêu về sử dụng đất quy hoạch ở thị của 19 ô phố xây dựng nhà đơn

Stt	Ô phố	Số lượng nhà ở (căn)	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích các lô đất xây dựng nhà ở (m ² -lô)		Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Chiều cao xây dựng (m)
				Nhỏ nhất	Lớn nhất			
1	1Q	20	5.998,0	294,0	323,5	50	03	15
2	1S	15	4.460,0	294,0	310,5	50	03	15
3	1D	39	13.152,0	280,0	511,0	50	03	15
4	1Đ	28	10.552,0	372,0	406,0	50	03	15
5	1W	8	3.058,0	378,0	386,5	50	03	15
6	2A (thuộc dự án thành phần 15 ha)	18	5.395,0	253,5	330,0	50	03	15
7	2C (thuộc dự án thành phần 15 ha)	15	4.446,2	279,6	358,3	50	03	15
8	2M	16	6.376,0	397,0	399,0	50	03	15
9	2N	18	6.682,0	363,0	394,5	50	03	15
10	2O	18	6.682,0	363,0	394,5	50	03	15
11	2R	10	3.870,0	380,0	397,5	50	03	15
12	2S	10	3.872,0	380,0	398,0	50	03	15
13	2T	10	3.870,0	380,0	397,5	50	03	15
14	2U	19	7.094,0	360,0	559,0	50	03	15
15	2V	17	6.423,0	360,0	608,0	50	03	15
16	2W	16	5.890,0	363,0	383,5	50	03	15
17	2X	16	5.890,0	363,0	383,5	50	03	15
18	2Y	14	5.620,0	399,0	407,5	50	03	15
19	2Z	14	4.356,0	240,0	432,0	50	03	15
Cộng		321	113.686,2					

4.4. Trường mẫu giáo 1:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu MG1.
- Diện tích lô đất: 6.055,0m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 30%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,8 lần.

- Tầng cao xây dựng: 02 tầng.
- Chi giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 10m.

4.5. Trường mẫu giáo 2:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu MG2.
- Diện tích đất: 5.625,0m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 30%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,8 lần.
- Tầng cao xây dựng: 02 tầng.
- Chi giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 10m.

4.6. Trường tiểu học:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu TC1.
- Diện tích đất: 16.270,0m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 30%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 1,2 lần.
- Tầng cao xây dựng: 03 tầng.
- Chi giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 10m.

4.7. Trường trung học cơ sở:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu TC2, thuộc dự án thành phần 15 ha.
- Diện tích đất: 14.343,0m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 30%.
- Hệ số sử dụng đất: 1,2 lần.
- Tầng cao xây dựng: 03 tầng.
- Chi giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 10m.

4.8. Công trình y tế:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu YT.
- Diện tích đất: 8.138,0m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh: 30%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,6 lần.
- Tầng cao xây dựng: 05 - 09 tầng.
- Chi giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.

4.9. Công trình trung tâm hành chính:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu HC.
- Diện tích đất: 2.645,0m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Hệ số sử dụng đất: 1,2 lần.
- Tầng cao xây dựng: 03 tầng.

- Chỉ giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.

4.10. Công trình thương mại - dịch vụ:

- Vị trí: bố trí tại lô đất có ký hiệu TM.

- Diện tích đất: 15.308,0m².

- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.

- Hệ số sử dụng đất tối đa: 2,4 lần.

- Tầng cao xây dựng: 04 - 06 tầng.

- Chỉ giới xây dựng đối với các đường giao thông tiếp giáp: tối thiểu 6m.

4.11. Công viên cây xanh, mặt nước toàn khu:

- Công viên cây xanh, mặt nước sử dụng công cộng toàn khu (không tính cây xanh nội bộ nhóm nhà ở chung cư) có diện tích: 115.403,3 m², bao gồm:

- Công viên cây xanh nhóm nhà ở: 20.102,5 m², bố trí tại 06 lô đất có ký hiệu: CX1, CX2, CX3, CX4, CX6 (thuộc dự án thành phần 15ha) và CX7.

+ Công viên cây xanh ngoài nhóm nhà ở kết hợp thể dục thể thao (bao gồm cả diện tích mặt nước 18.142 m² trong các lô đất công viên cây xanh): 63.788,8 m², bố trí tại 02 lô đất có ký hiệu: CX5 (thuộc dự án thành phần 15ha) và CX8.

- Diện tích cây xanh cảnh quan ven sông, rạch: 31.512,0 m².

- Mật độ xây dựng tối đa của lô đất công viên cây xanh: 5%.

+ Tầng cao xây dựng: 01 tầng.

- Diện tích cây xanh cách ly tuyến điện: 12.100,5 m².

- Diện tích cây xanh hành lang bảo vệ tuyến cống thoát nước: 5.273,3 m².

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

5.1. Quy hoạch hạ tầng giao thông:

- Diện tích đất giao thông: 203.769,2 m², chiếm tỷ lệ 25,31%.

- Bảng tổng hợp lộ giới đường giao thông:

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng đường (m)		
				Lề trái	Lòng đường	Lề phải
1	Đường A	511	12	3	6	3
2	Đường B	121	10	2	6	2
3	Đường C1	272	12	3	6	3
4	Đường C2	120	10	2	6	2
5	Đường D	381	12	3	6	3
6	Đường E1	131	10	2	6	2
7	Đường E2	212	12	3	6	3
8	Đường F	880	14	3	8	3
9	Đường G1	87	10	2	6	2
10	Đường G2	121	12	3	6	3
		111	12	4	6	2
11	Đường H	867	20	4,75	10,5	4,75

12	Đường I	29	10	2	6	2
13	Đường J	121	10	2	6	2
14	Đường K1	164	14	3	8	3
15	Đường K2	464	14	3	8	3
16	Đường L	198	10	2	6	2
17	Đường M	120	10	2	6	2
18	Đường N	148	12		6	3
19	Đường P	335	12	3	6	3
20	Đường Q	346	12	2	6	2
21	Đường R	126	10	2	6	2
22	Đường S	227	10	2	6	2
23	Đường số 1	838	12	3	6	3
24	Đường số 2	154	10	2	6	2
25	Đường số 3	161	12	3	6	3
26	Đường số 4	107	10	2	6	2
27	Đường số 5	139	10	2	6	2
28	Đường số 6	119	10	2	6	2
29	Đường số 7	138	10	2	6	2
30	Đường số 8	310	12	3	6	3
31	Đường số 9	167	10	2	6	2
32	Đường số 10	162	10	2	6	2
33	Đường số 11	384	14	3	8	3
		97	13	2	8	3
34	Đường số 12	167	12	3	6	3
35	Đường số 13a	188	12	3	6	3
36	Đường số 13b	122	10	2	6	2
37	Đường số 14	238	10	2	6	2
38	Đường số 15	834	32	5	7-8-7	5
		174	30	5	8+4-8	5
39	Đường số 16	137	12	3	6	3
		580	12	3	6	3
40	Đường số 17	831	12	3	6	3
41	Đường số 18	171	12	3	6	3
42	Đường số 19	653	10	2	6	2
43	Đường số 20	821	14	3	6	3
44	Đường số 21	306	12	3	6	3
45	Đường số 22	182	14	3	8	3
46	Đường số 23	368	30	4	8+6+8	4

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) Quy hoạch chiều cao:

- Giải pháp chính áp dụng cho khu vực: Tôn cao nền hiện hữu.

- Cao độ nền xây dựng không chế tạo khu vực quy hoạch: $F_{\text{đ}} \geq + 2,7 \text{ m}$ (Hệ cao độ Hòn Dấu).

- Hướng đổ dốc: Từ giữa ra xung quanh.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt cho khu quy hoạch.

- Sử dụng cống bê tông cốt thép đặt ngầm $\Phi 500 \div \Phi 1800$ thoát nước mưa.

- Nổi cống theo nguyên tắc ngợp đỉnh và có độ sâu chôn cống tối thiểu 0,7m.

- Chu kỳ tràn cống: $T = 3$ năm đối với cống cấp 2;

$T = 2$ năm đối với cống cấp 3, cấp 4.

- Hướng thoát nước: nước mưa trong khu quy hoạch được thu gom theo các tuyến cống trên các tuyến đường và thoát ra rạch.

- Lưu ý: Trong phạm vi hành lang bảo vệ rạch, chủ đầu tư được xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước...), không được xây dựng các công trình kiến trúc khác. Do trạm xử lý nước thải của dự án nằm trong hành lang bảo vệ rạch, vì vậy chủ đầu tư cần lưu ý đến kiến trúc của trạm xử lý nước thải.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn nước máy thành phố

- Chỉ tiêu cấp nước nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày đêm.

- Lưu lượng cấp nước chữa cháy $q = 15$ lít/s, số đám cháy xảy ra đồng thời là 02 đám cháy

- Tổng lưu lượng nước cấp: 6.450,0 m³/ngày đêm.

- Thống nhất phương án thiết kế mạng lưới cấp nước.

5.4. Quy hoạch thoát nước bẩn:

- Giải pháp thoát nước: xây dựng hệ thống thoát nước bẩn riêng biệt.

- Tiêu chuẩn thoát nước thải sinh hoạt: 200 lít/người/ngày đêm.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: 4.793,0 m³/ngày đêm.

- Hướng thoát nước: nước thải từ công trình được xử lý bằng bể tự hoại sau đó được các tuyến cống thu gom về trạm xử lý nước thải của khu quy hoạch. sau khi xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện hành sẽ thoát ra rạch.

- Sử dụng cống $\Phi 300 \div \Phi 500$ thoát nước thải.

- Thống nhất phương án bố trí thiết kế mạng lưới thoát nước.

5.5. Quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện nhà liên kế: 3 KW/căn hộ.

- Chỉ tiêu cấp điện nhà biệt thự: 5 KW/căn hộ.

- Chỉ tiêu cấp điện nhà chung cư: 4 KW/căn hộ.

- Chỉ tiêu cấp điện trung tâm thương mại: 20-60 W/m² sàn.

- Nguồn điện được cấp từ trạm 220/110/22-15-0,4KV Cát Lái.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến thế 03 pha dung lượng $\geq 400\text{KVA}$, loại trạm đặt trong nhà.

- Xây dựng mới mạng trung thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE tiết điện phù hợp, chôn ngầm trong đất.

- Xây dựng mới mạng hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, và chiếu sáng lối đi, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE - 1KV có tiết diện phù hợp cho từng loại và được chôn ngầm trong đất.

- Hệ thống chiếu sáng lối đi dùng đèn sodium 150W/220V có chóa và cần đèn đặt trên trụ sắt tráng kẽm cao 7-9 m.

5.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Định hướng đầu nối từ bưu cục hiện hữu (Bưu điện trung tâm Quận 9) xây dựng tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của quy hoạch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành sửa chữa.

5.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:

+ 100% nước thải sinh hoạt phát sinh của khu dân cư được xử lý đạt QCVN;

+ Chất lượng không khí đạt QCVN 05:2009/BTNMT;

+ 100% chất thải rắn phát sinh được phân loại, thu gom, xử lý;

+ Tăng diện tích cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường trong khu quy hoạch.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động môi trường:

* Giải pháp lồng ghép vào quy hoạch:

Tăng tỷ lệ diện tích đất cây xanh công cộng trong khu quy hoạch: xây dựng các khu công viên cây xanh tập trung kết hợp các khu dịch vụ công cộng, hồ cảnh quan, trồng cây xanh ven đường nhằm giảm thiểu tiếng ồn và bụi. Mật độ cây xanh phù hợp với QCVN 01:2008/BXD.

* Các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm:

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho khu quy hoạch (hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, trạm xử lý nước thải cục bộ, mạng lưới cấp điện, thông tin liên lạc...).

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu quy hoạch phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

+ Phân loại rác thải tại nguồn và thu gom đúng quy định.

- Đề xuất lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án xây dựng: xây dựng kết cấu hạ tầng khu quy hoạch, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại có diện tích từ 500 m² trở lên; xây dựng khu chung cư cao tầng có quy mô sử dụng từ 500 người hoặc 100 hộ trở lên; xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ có công suất 4.800 m³.

5.8. Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống:

Thể hiện đạt yêu cầu. Chủ đầu tư cần đảm bảo khoảng cách hành lang an toàn đường dây, đường ống theo quy định. Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

6. Về thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chi tiết:

Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở được trình và thẩm định trước ngày 27 tháng 6 năm 2013 (ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị). Để triển khai thực hiện Thông tư số 06/2013/TT-BXD, Ủy ban nhân dân Thành phố có giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng đề xuất triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố (tại văn bản số 4624/VP-ĐTMT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố).

Do đó, sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng Thành phố về triển khai thực hiện Thông tư số 06/2013/TT-BXD trên địa bàn Thành phố, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm lập thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở căn bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9 và trình Ủy ban nhân dân Quận 9 để được xem xét phê duyệt bổ sung.

7. Các nội dung khác có liên quan:

- Dự án thành phần 15 ha do Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ môi trường Sài Gòn (Công ty EDICO) thực hiện đầu tư xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4805/VPCP-KNTC ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ và theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại các văn bản số 3820/UBND-PCNC ngày 02 tháng 8 năm 2011, văn bản số 5052/UBND-PCNC ngày 04 tháng 10 năm 2012, văn bản số 1903/UBND-PCNC ngày 23 tháng 4 năm 2013. Dự án thành phần 15 ha có vị trí về phía Tây Nam của khu vực quy hoạch, ranh dự án thành phần 15 ha thể hiện tại đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Công ty EDICO thống nhất tại Biên bản kỹ ngày 29 tháng 8 năm 2013.

- Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch đô thị này chịu trách nhiệm về tính chính xác về các số liệu và trong việc định vị hệ thống giao thông đã được thể hiện trong các bản vẽ của đồ án, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu của khu vực và của các dự án đầu tư xây dựng kế cận. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường khu đất, nếu hệ thống hạ tầng kỹ thuật có sai lệch vị trí điểm nối kết với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, chủ đầu tư cần báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 9 để có giải pháp xử lý, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Nội dung chi tiết cụ thể của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến từng công trình trong phạm vi ranh dự án chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm lập thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thi công của dự án và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn thiện các hạng mục công trình của dự án đảm bảo kết nối mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong khu vực và đảm bảo sự kết nối về cao độ giữa khu vực quy hoạch với khu vực xung quanh.

- Về hàng lang bảo vệ sông, rạch: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hàng lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Về không gian, kiến trúc, cảnh quan: đảm bảo hài hòa phù hợp với không gian, kiến trúc, cảnh quan của khu vực.

- Về PCCC và môi trường: cần đảm bảo thực hiện theo quy định về PCCC của Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và về quản lý môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Phòng Quản lý đô thị, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Một thành viên Không Gian Xanh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường Phú Hữu, Quận 9.

- Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu kết hợp cùng Đội Thanh tra địa bàn Quận 9 (thuộc Thanh tra Sở Xây dựng) có trách nhiệm kiểm tra, quản lý, giám sát việc xây dựng theo quy hoạch được duyệt và có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

+ Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt theo quy định.

- Cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt theo quy định.

+ Lập, trình thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế thi công các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án, thỏa thuận đấu nối các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án với các cơ quan quản lý trước khi triển khai thi công theo quy định.

- Trong trường hợp ranh đất và diện tích đất được cơ quan chức năng giao hoặc cho thuê có thay đổi so với ranh đất và diện tích đất đã được phê duyệt; hoặc trong quá trình triển khai có phát sinh những vấn đề chưa phù hợp, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết và trình Ủy ban nhân dân Quận 9 để được xem xét phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 9, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ môi trường Sài Gòn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND TP;
- Sở TNMT, Sở QHKT;
- Sở XD, Sở GTVT;
- Sở TC, Sở KHĐT;
- TT. UBND Q9;
- Lưu VT, QLĐT-TQH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *[Chữ ký]*



Nguyễn Hữu Việt